

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU ĐỨC
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24-4-2019

V/v tranh chấp “Yêu cầu ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Loan.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hạnh.

2. Ông Trần Văn Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Hiệp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Hồng Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 183/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2018, về tranh chấp: “Yêu cầu ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2019/QĐST-HNGĐ ngày 25/3/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Kim P; sinh năm: 1967.

Địa chỉ: Tổ 04, ấp Bình Đức, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Bị đơn: Ông Phan Văn A, sinh năm: 1963.

Địa chỉ: Tổ 04, ấp Bình Đức, xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

(Bà P có mặt, ông A vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, các văn bản làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim P trình bày:

Bà Hoàng Thị Kim P và ông Phan Văn A yêu thương nhau và đi đến kết hôn. Đăng ký kết hôn vào năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có tổ chức lễ cưới tại gia đình hai bên. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó đến đầu năm 2015 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do giữa bà P và ông A thường xuyên mâu thuẫn và cãi vã nhau, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung. Ông A thường xuyên nhậu nhẹt rồi về kiểm có gây gổ và đA đập bà P.

Chính quyền địa phương cũng có can thiệp, mời ông A ra Ủy ban xã làm việc nhưng ông A cũng không thay đổi. Cuộc sống vợ chồng lúc nào cũng căng thẳng và mệt mỏi. Vì vậy bà P đã về nhà em ruột sinh sống từ đầu năm 2018 cho đến nay. Bà P nhận thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống vợ chồng không thể kéo dài. Bà P và ông A đã nhiều lần ngồi lại cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay bà P yêu cầu giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Bà P yêu cầu được ly hôn với ông Phan Văn A.

Về con chung: Bà P và ông A có 02 người con chung là cháu Phan Văn D, sinh năm: 1988 và cháu Phan Thị Ánh N, sinh năm: 1997.

Hiện cháu D và cháu N đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên ở với ai là quyền của các cháu.

Về tài sản chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Văn A không đến tòa án để làm việc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Về tố tụng Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án bà P và ông A chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn. Sau đó phát sinh mâu thuẫn. Bà P yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà P được ly hôn với ông A nên Tòa án cần xử chấp nhận yêu cầu của bà P. Về con chung các con của bà P, ông A đã trưởng thành, ở với ai là theo nguyện vọng của các cháu. Về tài sản chung và nợ chung bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà P, ông A có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng:* Bà Hoàng Thị Kim P và ông Phan Văn A yêu thương nhau và đi đến kết hôn. Đăng ký kết hôn vào năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Nay bà P yêu cầu ly hôn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Nơi cư trú của ông Phan Văn A là xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên Tòa án nhân dân huyện Châu Đức thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Phan Văn P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt ông P là đúng theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hoàng Thị Kim P và ông Phan Văn A có đăng ký kết hôn vào năm 1988 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Hôn nhân trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó đến đầu năm 2015 thì bắt đầu phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo bà P là do giữa bà P và ông A thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng không tìm thấy tiếng nói chung. Ông A thường xuyên nhậu nhẹt

rồi về kiểm có gây gỗ và đA đập bà P. Chính quyền địa phương cũng có can thiệp, mời ông A ra Ủy ban xã làm việc nhưng ông A cũng không thay đổi. Bà P đã về nhà em ruột sinh sống từ đầu năm 2018 cho đến nay. Xác minh tại địa phương thì giữa bà P và ông A có mâu thuẫn, bà P và ông A không còn sống chung với nhau là có thật. Sau khi thụ lý đơn yêu cầu ly hôn của bà P, Tòa án đã triệu tập ông A để làm việc và hoà giải về quan hệ hôn nhân để bà P và ông A tiếp tục sống với nhau nhưng ông A không đến tòa án để làm việc. Như vậy giữa bà P và ông A có mâu thuẫn, bà P và ông A sống ly thân là có thật. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa bà P và ông A ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà Hoàng Thị Kim P được ly hôn với ông Phan Văn A.

[3] *Về con chung*: Bà P và ông A có 02 người con chung là cháu Phan Văn D, sinh năm: 1988 và cháu Phan Thị Ánh N, sinh năm: 1997. Hiện cháu D và cháu N đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên ở với ai là quyền của các cháu.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà P, ông A có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5] *Về án phí*: Bà P phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 36; khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Xử cho bà Hoàng Thị Kim P được ly hôn với ông Phan Văn A.

Về quan hệ con chung: Bà P và ông A có 02 người con chung là cháu Phan Văn D, sinh năm: 1988 và cháu Phan Thị Ánh N, sinh năm: 1997. Hiện các cháu D và cháu N đã trưởng thành (đủ 18 tuổi) nên ở với ai là quyền của các cháu.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nếu sau này bà P, ông A có tranh chấp về tài sản chung thì dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về án phí: Bà Hoàng Thị Kim P phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà bà P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức theo biên lai số 0002132 ngày 25/5/2018, bà P đã nộp xong án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24-4-2019), đương sự có quyền kháng cáo; đối với ông A vắng mặt thì thời hạn này được tính kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà

Rịa - Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR - VT;
- VKSND H.C;
- Cơ quan THA dân sự H.C;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Hữu Loan